

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 2404/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Nghị Quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

h

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra rừng và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 18/05/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 344/TTr-SNNPTNT ngày 31/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án quản lý rừng bền vững Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030. Trong đó gồm một số nội dung chính như sau:

1. Tên Phương án: Phương án quản lý rừng bền vững Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030.

2. Tên chủ rừng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn.

3. Mục tiêu Phương án:

a) Mục tiêu chung:

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn gen đặc hữu, quý hiếm, đặc biệt các loài bị đe dọa, nguy cấp; Phục hồi tài nguyên và cảnh quan thiên nhiên, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại rừng, môi trường, cảnh quan; nâng cao khả năng phòng hộ đầu nguồn, điều tiết nguồn nước, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu.

- Khai thác tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, môi trường rừng và cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nâng cao giá trị của rừng trên một đơn vị diện tích; phát triển rừng trên nguyên tắc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và hình thành chuỗi sản phẩm

trong chế biến lâm sản theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (chứng chỉ FSC).

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Thu nhập của người dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp, du lịch sinh thái và chia sẻ lợi ích từ rừng để có thu nhập ở mức cao hơn lương bình quân tối thiểu vùng theo quy định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực. Toàn bộ diện tích có rừng 25.922,44 ha và diện tích chưa thành rừng, diện tích DT2 (426,16 ha) được bảo vệ tốt, chất lượng rừng được nâng cao góp phần bảo tồn giá trị các bon của rừng. Cung cấp dịch vụ môi trường rừng ổn định, bền vững từ các loại rừng nhằm tạo nguồn thu; Chi trả giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình nhận khoán bình quân mỗi năm 12 triệu đồng (bình quân mỗi hộ nhận 30 ha).

+ Khai thác rừng trồng sản xuất khoảng 300 ha (bình quân mỗi năm 30 ha) với sản lượng gỗ cho toàn chu kỳ 10 năm là 15.000 m³. Xây dựng và triển khai Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021 - 2030 sẽ thu hút lượng khách du lịch nội địa và quốc tế đến với tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí. Với nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, khai thác rừng trồng sản xuất, Công ty sẽ từng bước tự chủ về tài chính đến năm 2025 dự kiến là 20% và đến năm 2030 là 30%.

- Về môi trường:

+ Bảo vệ chặt chẽ 25.922,14 ha diện tích rừng tự nhiên hiện có và 426,61 ha diện tích chưa thành rừng (rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng và đất có cây gỗ tái sinh) để góp phần tăng độ che phủ rừng của Công ty đến năm 2030 là 93,3%; Phát huy tối đa chức năng phòng hộ của rừng, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái. Bảo tồn tài nguyên động, thực vật, đặc biệt là các loài quý, hiếm, bị đe dọa nguy cấp.

+ Nâng cao chất lượng rừng thông qua các hoạt động: nuôi dưỡng rừng tự nhiên phòng hộ 500 ha. Phát triển rừng thông qua hoạt động trồng mới rừng phòng hộ 300 ha và trồng mới rừng sản xuất 200 ha; kết hợp với trồng cây phân tán 250.000 cây.

+ Bảo vệ và khôi phục các khu rừng có giá trị bảo tồn cao thông qua việc xây dựng và thực hiện 02 dự án cho hoạt động bảo tồn, 03 đề tài nghiên cứu khoa học, 01 hạng mục giám sát đa dạng sinh học và thiết lập 02 ô định vị sinh thái theo dõi giám sát tài nguyên rừng.

- Về xã hội:

+ Thực hiện xã hội hóa việc bảo vệ phát triển rừng bằng hình thức cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí góp phần tăng hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường. Nâng cao năng lực, nhận thức về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng cho người dân các xã trong vùng. Tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho cán bộ, công nhân viên và

người lao động của Công ty. Tạo việc làm hàng năm cho khoảng hơn 1.000 lao động địa phương tham gia vào công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và hoạt động du lịch sinh thái.

+ Hàng năm, tổ chức 6 đợt tuyên truyền và ký cam kết về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng cho các xã trên địa bàn. Đầu tư nâng cấp sửa chữa trụ sở làm việc và các trạm bảo vệ rừng hiện có; đầu tư xây mới các công trình phòng chống cháy rừng (tháp canh, bảng dự báo cấp cháy, biển cấp lửa); xây dựng tuyến đường lâm nghiệp phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, kết hợp phát triển du lịch sinh thái; xây mới các bảng tuyên truyền; xây dựng vườn ươm. Đầu tư mua sắm và sửa chữa phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng và PCCCR. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR, bảo tồn đa dạng sinh học và du lịch sinh thái; Góp phần ổn định kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh ở địa phương.

4. Hiện trạng, kế hoạch sử dụng đất:

a) Diện tích rừng và đất lâm nghiệp năm 2020 giao Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn quản lý: 29.040,73 ha; trong đó:

- Diện tích rừng phòng hộ là 20.610,90 ha.
- Diện tích rừng sản xuất là 8.429,83 ha.

b) Diện tích rừng và đất rừng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn quản lý đến năm 2030 như sau:

- Giai đoạn 2021-2025 là: 27.778,14 ha, giảm 1.262,59 ha so với diện tích hiện tại năm 2020 Công ty đang quản lý, trong đó:

- + Diện tích rừng phòng hộ là 19.880,49 ha.
- + Diện tích rừng sản xuất là 7.897,65 ha.

- Giai đoạn 2026-2030 là: 27.519,14 ha, giảm 259 ha so với diện tích hiện tại năm 2020 Công ty đang quản lý, trong đó:

- + Diện tích rừng phòng hộ là 19.659,57 ha.
- + Diện tích rừng sản xuất là 7.859,57 ha.

5. Xác định khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng:

a) Khu vực loại trừ:

- Khu vực đất rừng tự nhiên là rừng phòng hộ 18.794 ha được đưa vào quản lý, bảo vệ chặt chẽ theo Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Khu vực đất thu hồi thực hiện các dự án và chuyển trả về cho địa phương quản lý cấp giấy CNQSDĐ cho người dân tại địa phương sử dụng, cụ thể giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

h

- + Khu vực đất làm tuyến đường Thị trấn Tân Sơn - Tà năng: 39,3 ha.
- + Khu vực đất để sửa chữa, cải tạo đường Tà Nội đi Ma Nới: 4,75 ha.
- + Khu vực đất lòng hồ Sông Than: 579,12 ha (sau khi đã trừ 23,57 ha đất nông nghiệp đã đưa ra năm 2017).
- + Khu vực đất nông nghiệp chuyển về địa phương quản lý giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh: 639.42 ha.
- + Khu vực đất khác (Mặt nước, trạm, giao thông...) diện tích 4,92 ha.
- + Khu vực đất nông nghiệp thuộc các hộ gia đình, cá nhân đang tổ chức sản xuất: 1.323 ha.
- Khu vực đất dự kiến chuyển trả về cho địa phương quản lý cấp giấy CNQSDĐ cho người dân tại địa phương sử dụng, cụ thể giai đoạn 2026-2030: 259ha.

b) Khu vực đề nghị cấp chứng chỉ rừng bền vững:

Hiện tại, toàn bộ diện tích của Công ty quản lý chưa được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Theo Khoản 1, Điều 15, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững (QLRBV), thì các loại chứng chỉ rừng để chứng minh tính hợp pháp của nguồn gốc gỗ bao gồm chứng chỉ QLRBV do Việt Nam cấp, do tổ chức quốc tế cấp và do Việt Nam hợp tác với quốc tế cấp.

Dự kiến khu vực đưa vào cấp chứng chỉ là diện tích rừng tự nhiên (rừng giàu, rừng trung bình) và diện tích rừng trồng thuộc đối tượng rừng sản xuất trên địa bàn xã Ma Nới là 5.467 ha.

c) Khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng:

Bao gồm toàn bộ diện tích rừng là rừng sản xuất sau khi đã loại bỏ phần diện tích thuộc các khu vực loại trừ. Tổng diện tích tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng là 7.665,8 ha, tại tiểu khu sau: 120, 124, 126, 128, 129, 130, 104a, 104b, 99, 110, 106a.

6. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư:

a) Kế hoạch khoán bảo vệ rừng:

Công tác khoán bảo vệ rừng tự nhiên được thực hiện hàng năm hoặc chu kỳ 5 năm tùy theo nguồn kinh phí phân bổ của Nhà nước. Tổng diện tích giao khoán là 5.900 ha (tương đương 59.000 lượt ha/10 năm), trong đó:

- Khoán cho cộng đồng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2015 là 4.900 ha tại các vị trí: khoảnh 8 – 13 (tiểu khu 112); khoảnh 5 - 8 (tiểu khu 114); khoảnh 4, 5, 10 (tiểu khu 118); khoảnh 1, 2 (tiểu khu 122); khoảnh 1 – 8, 10, 11 (tiểu khu 108); khoảnh 14 (tiểu khu 112), khoảnh 1, 2, 4, 6 (tiểu khu 119); khoảnh 7, 8 (tiểu khu 117), khoảnh 5 (tiểu khu 121), khoảnh 1-6

Handwritten signature or mark

(tiểu khu 123); khoảnh 1-7, 9, 10 (tiểu khu 131).

- Giao khoán cho lực lượng vũ trang theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 và theo chủ trương, đề án của cấp thẩm quyền phê duyệt đối với diện tích khu vực xa dân cư, vùng giáp ranh phức tạp trong công tác QLBR là 1.000 ha tại khoảnh 3, 4, 5 (tiểu khu 112); khoảnh 2, 3, 6, 8, 9, 11 (tiểu khu 118).

b) Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý: Công ty chưa thực hiện đồng quản lý với đơn vị, cộng đồng dân cư các xã trong lâm phần công ty quản lý là do:

- Sau khi Công ty chuyển đổi từ hoạt động sản xuất kinh doanh sang thực hiện nhiệm vụ công ích, các hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, phát triển rừng theo đơn đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ của tỉnh, do vậy để tiến hành thực hiện đồng quản lý, Công ty cần phải được UBND tỉnh và các sở ban ngành thông qua.

- Diện tích do công ty quản lý chủ yếu là rừng tự nhiên, diện tích đất trống, đất nông nghiệp khô cằn, khí hậu nắng nóng, tiềm năng phát triển du lịch sinh thái chưa được khai thác do đó khó có thể thu hút được các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cùng thực hiện quản lý,...

7. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học:

a) Kế hoạch bảo vệ rừng:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức ít nhất 72 đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng có sự tham gia của lực lượng người dân, Tổ Cộng đồng và đơn vị nhận BVR (Công an huyện Ninh Sơn), các bộ phận chức năng của Chính quyền địa phương trên địa bàn, Hạt Kiểm lâm và sự hỗ trợ của Chi cục Kiểm lâm để tăng cường công tác quản lý, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm để hạn chế đến mức thấp nhất tác động đến tài nguyên rừng; tiếp tục duy trì các Trạm quản lý bảo vệ rừng, các Chốt bảo vệ rừng hiện có và tăng cường nhân lực để thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét chống phá rừng tại các điểm nóng và vùng giáp ranh; đầu tư mua sắm đầy đủ công cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng và nâng cấp các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng; tổ chức các đợt tuyên truyền để nâng cao ý thức, nhận thức của người dân đối với công tác bảo vệ rừng; tổ chức vận động và thực hiện việc ký kết không khai thác lâm sản, săn bắn động vật trái phép với người dân xung quanh Vườn quốc gia.

b) Kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng: Xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm theo quy định; mua sắm bổ sung dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của Công Ty, lực lượng, các Chốt bảo vệ rừng và các điểm trực phòng cháy chữa cháy rừng; tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm; xây dựng công trình phòng cháy chữa cháy rừng,....

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật hại rừng: Trong những năm qua Công ty chưa thực hiện phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng và sinh vật ngoại lai, lý do là:

- Diện tích rừng trồng công ty rất ít (chỉ chiếm khoảng 2,9% tổng diện tích công ty được giao quản lý). Mặt khác, diện tích rừng trồng sản xuất thuộc diện tích liên doanh liên kết hoặc của các hộ gia đình sinh sống trên lâm phần công ty quản lý nên việc phòng trừ sâu bệnh hại phụ thuộc vào các hộ dân và phía liên doanh liên kết thực hiện.

- Loài cây trồng hiện tại trên địa bàn của Công ty chủ yếu là Keo, Điều, Cao su... đều là những loài ít bị sâu bệnh.

- Thời tiết, khí hậu khắc nghiệt làm cho một số loài sinh vật ngoại lai khó có khả năng sinh trưởng phát triển được do thiếu sự thích nghi với môi trường.

- Trong những năm qua, trên địa bàn chưa xảy ra những vụ sâu bệnh phá rừng nghiêm trọng nào.

Do đó, trong những năm đến công ty sẽ không xây dựng kế hoạch cho việc phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng và sinh vật ngoại lai.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao:

Điều tra, cập nhật danh lục động vật rừng và xác định phân bố các loài quan trọng, nguy cấp, đặc hữu, quý hiếm; Giám sát, đánh giá một số loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; Thiết lập các ô định vị nghiên cứu sinh thái để theo dõi, giám sát quá trình phục hồi rừng tự nhiên của rừng trong lâm phần của Công ty; Mua sắm thiết bị phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học như: Máy chụp hình, máy quay phim, máy định vị, máy tính ...

đ) Kế hoạch phát triển rừng: Nuôi dưỡng rừng tự nhiên phòng hộ 3.156,1 ha; Trồng mới rừng phòng hộ 200 ha; Trồng lại rừng sản xuất sau khai thác 300 ha; Chăm sóc rừng trồng 224,8 ha; Trồng 250.000 cây phân tán trên diện tích đất trống, hoang hóa, ven một số tuyến đường giao thông trong khu dân cư; các công ty, cơ quan trường học, bệnh viện để tăng độ che phủ rừng.

e) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực:

Phối hợp với các cơ quan khoa học trong nước và các tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên đề xuất và thực hiện 03 đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung vào các lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, các mô hình sinh kế bền vững cho người dân. Tổ chức 10 lớp tập huấn sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; 10 lớp tập huấn xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; 4 lớp tập huấn nâng cao năng lực về công tác quản lý bảo vệ rừng; 05 lớp tập huấn sử dụng các phần mềm theo dõi diễn biến rừng; 04 lớp tập huấn phương pháp điều tra sơ bộ tài nguyên rừng cho người dân và cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng; và 04 lớp tập huấn thông tư, nghị định về Luật lâm nghiệp. Cử 08 cán bộ tham dự đào tạo đại học, sau đại học về các chuyên môn liên quan và 03 cán bộ đào tạo kiến thức chuẩn hóa ngạch công chức, viên chức (quản lý nhà nước, trung cấp lý luận chính trị...) để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

g) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Định hướng các sản phẩm du lịch: Tổ chức du lịch sinh thái rừng; du lịch sinh thái hồ; du lịch cộng đồng; du lịch giáo dục môi trường; du lịch giáo dục truyền thống cách mạng; dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng; các dịch vụ giải trí, vận động ngoài trời, camping, nghệ thuật trình diễn, đạp xe xuyên rừng và giải thi đấu các môn thể thao phối hợp...

- Định hướng phát triển tuyến, điểm du lịch: Phát triển ít nhất 06 tuyến du lịch gồm các tuyến: Ma Nối - Kíu; Tà Nôi - Thác Mưa; Tà Nôi - Ma Bó; Ninh Sơn - Phan Dũng - Tà Năng; Phan Rang - Tháp Chàm - Ma Bó và Đà Lạt - Vườn cây ăn trái Lâm sơn - Thác Mưa. Phát triển 03 điểm/khu du lịch, gồm: Khu vực ven hồ Sông Than; Khu vực Thác Mưa và Khu vực thác Liên Xô. Ngoài ra, phát triển các tuyến du lịch kết nối được với các điểm trong khu vực và vùng lân cận.

- Định hướng không gian, quy mô xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái: Phát triển theo hướng không gian khu vực trung tâm; và gắn kết với các điểm du lịch tiềm năng cũng như kết nối vùng và khu vực bên ngoài. Quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Định hướng phương thức tổ chức thực hiện: Tùy vào tình hình cụ thể, đề thực hiện các phương thức: tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

h) Kế hoạch sản xuất nông, lâm kết hợp khu vực rừng sản xuất:

Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp hiệu quả tại khu vực để làm cơ sở nhân rộng và phát triển; Tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp ở những nơi làm tốt cho công ty và cộng đồng địa phương; Triển khai thí điểm mô hình sản xuất nông lâm kết hợp có hiệu quả 02 mô hình. Trước mắt, xây dựng và thực hiện các mô hình: Cải tạo vườn điều bằng phương pháp ghép; Trồng cây Bơ dưới tán rừng và trồng cây bản địa.

i) Kế hoạch xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng:

- Xây dựng các công trình phục vụ quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển và sử dụng rừng gồm: Cắm bổ sung 100 mốc ranh giới giữa các mốc hiện có và ranh giới một số phân khu chức năng cần đóng; Nâng cấp sửa chữa trụ sở làm việc; Xây dựng 01 Chốt Quản lý bảo vệ rừng liên ngành (Ma Bó). Duy tu, sửa chữa 04 chòi canh lửa, 12 bảng tuyên truyền chống phá rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, 10 bảng tuyên truyền Luật Lâm nghiệp và 05 Trạm Quản lý bảo vệ rừng (Các trạm: Tà Lâm, Hòa Sơn, Sông Tân, Ma Nối, Tà Nôi), Nâng cấp cải tạo 01 Vườn ươm.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng một số điểm dừng chân trên các tuyến du lịch và một điểm tiềm năng phát

triển du lịch và một số hạng mục công trình thiết yếu phục vụ thu hút đầu tư phát triển du lịch.

k) Kế hoạch hoạt động dịch vụ cho cộng đồng:

Hỗ trợ cho người dân được tham gia nhận khoán bảo vệ rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, phòng cháy chữa cháy rừng; Được sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại các khu vực nhận khoán bảo vệ rừng; Được tham gia các hoạt động du lịch sinh thái như việc tham gia nhóm dịch vụ giới thiệu cho du khách các kiến thức bản địa về văn hóa, lễ hội, ẩm thực, sử dụng tài nguyên trong cuộc sống hàng ngày; Được tham gia và hưởng lợi từ các mô hình lâm, nông kết hợp; Được tổ chức loại hình “Home Stay” và gắn kết giữa vườn cây ăn quả với du lịch sinh thái vườn.

l) Kế hoạch hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng:

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Tiếp tục tổ chức rà soát, xác định bổ sung đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất thủy điện; cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Bổ sung đối tượng là cơ sở sản xuất công nghiệp; Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn và các cơ sở nuôi trồng thủy sản sẽ được triển khai khi có văn bản quy định cụ thể của Chính phủ hoặc triển khai thí điểm.

- Định hướng các khu vực thuê môi trường rừng: Đưa vào cho thuê môi trường rừng 03 khu vực: Khu vực ven hồ Sông Than: Vị trí tại các tiểu khu 103a, 103b, 105b với diện tích khoảng 271 ha; Khu vực Thác Mưa: Vị trí tại các tiểu khu 114, 119 với diện tích khoảng 108,95 ha và Khu vực thác Liên Xô: Vị trí tại các tiểu khu 120, 123, 124 với diện tích khoảng 110 ha.

m) Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng:

Lập kế hoạch và tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng tại 3 xã trên địa bàn.

n) Kế hoạch theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng:

Sử dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại để theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học hàng năm; xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ cho việc quản lý, theo dõi bằng công nghệ thông tin.

8. Tổng vốn đầu tư dự kiến:

Tổng vốn đầu tư dự kiến cho phương án là **187.887** triệu đồng, trong đó:

a) Phân theo các hạng mục đầu tư:

- Khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ: 24.180 triệu đồng;

- Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: 69.559 triệu đồng;

- Kế hoạch phát triển rừng: 41.137 triệu đồng;

b

- Khai thác lâm sản: 17.432 triệu đồng;
- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 8.035 triệu đồng;
- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: 2.000 triệu đồng và theo Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được duyệt.
- Sản xuất lâm, nông, ngư kết hợp: 1.500 triệu đồng;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 20.744 triệu đồng và theo Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được duyệt.
- Dịch vụ cho cộng đồng: 300 triệu đồng.
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng: 2.000 triệu đồng.
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 0 triệu đồng (nằm trong khoản thực hiện nhiệm vụ công ích hàng năm của công ty).
- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: 700 triệu đồng.

- Cấp chứng chỉ rừng bền vững: 300 triệu đồng.

b) Phân theo giai đoạn:

- Giai đoạn 2021 - 2025: 118.272 triệu đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: 69.165 triệu đồng.

c) Phân theo nguồn vốn:

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 93.522 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư: 69.342 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 24.180 triệu đồng;

- Vốn từ dịch vụ môi trường rừng: 60.930 triệu đồng;

- Vốn xã hội hóa và liên doanh liên kết, huy động của các nhà đầu tư: 18.695 triệu đồng;

- Vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (ODA): 14.740 triệu đồng.

Tổng kinh phí thực hiện trong kỳ kế hoạch có thể tăng, giảm tùy thuộc vào khả năng bố trí ngân sách, các nguồn huy động tài trợ khác và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các thỏa thuận với nhà tài trợ và các quy định hiện hành có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Kinh phí, đơn giá thể hiện trong phương án là kinh phí, đơn giá tại thời điểm xây dựng phương án để làm cơ sở áp dụng thực hiện. Trong trường hợp có sự biến động về giá nhân công, vật tư, định mức thay đổi theo các văn bản pháp luật của Nhà nước hoặc của Địa phương,... làm tăng hoặc giảm kinh phí, định mức thực hiện các hạng mục thể hiện trong phương án thì sẽ điều chỉnh lại kinh phí, định mức cho phù hợp với thực tế để áp dụng triển khai thực hiện.

b

9. Giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực:

- Về công tác quản lý: Rà soát, củng cố kiện toàn bộ máy quản lý, nhất là các chức danh quản lý của Công ty hợp lý, tinh gọn, đảm bảo thực hiện có hiệu quả. Xây dựng, ban hành các Quy chế, phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban Lãnh đạo Công ty; xác định chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng nghiệp vụ, các Trạm, Chốt QLBR để phân công cụ thể từng địa bàn quản lý hợp lý, phát huy hiệu quả trong kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý bảo vệ rừng được giao; cũng như công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và trình độ khả năng từng người, từng bộ phận, nhất là Trưởng phòng, Trưởng trạm và cấp phó của các phòng, trạm, chốt QLBR trong thực hiện công tác quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng bền vững theo Phương án phê duyệt. Tổ chức lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, thiết lập mạng lưới trạm bảo vệ rừng và đường tuần tra trong phạm vi lâm phận quản lý. Tổ chức, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tuần tra trên toàn bộ diện tích rừng do đơn vị quản lý, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi hủy hoại rừng và phá rừng.

- Củng cố nguồn nhân lực:

+ Tuyển mới cán bộ, lực lượng bảo vệ rừng đủ về số lượng, có trình độ phù hợp với các chức danh công việc.

+ Khuyến khích cán bộ, viên chức tham gia các khóa học nâng cao trình độ, mở các lớp huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực của cán bộ, viên chức. Tổ chức thực hiện hoạt động nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ Công ty thông qua các dự án do các tổ chức trong nước và quốc tế tài trợ.

+ Ưu tiên xem xét tuyển dụng lao động địa phương, đặc biệt là các hộ nhận khoán bảo vệ rừng nếu họ có năng lực, sức khỏe để trở thành lực lượng bảo vệ rừng chuyên nghiệp hoặc thu hút họ vào tham gia các hoạt động du lịch như chuyên chở khách, hướng dẫn khách du lịch, làm các dịch vụ du lịch.

+ Thông qua các lớp huấn luyện, chuyên môn trang bị các kiến thức về luật pháp, đa dạng sinh học cho cộng đồng, cán bộ địa phương. Tiếp tục thực hiện các nội dung của hoạt động quản lý của Công ty có sự tham gia của cộng đồng địa phương, hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.

b) Giải pháp phối hợp với các bên liên quan:

Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương các xã có rừng, tuyên truyền luật Lâm nghiệp, Nghị định, Thông tư hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã nơi có đất của đơn vị được giao quản lý và các cơ quan chức năng của huyện Ninh Sơn, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, đơn vị chủ rừng giáp ranh để thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng giáp ranh gắn với giữ gìn an ninh trật tự trong lâm phận theo quy chế phối hợp quản lý bảo

vệ rừng của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn với UBND các huyện giáp ranh, giữa Công ty với các đơn vị chủ rừng giáp ranh. Phối kết hợp với lực lượng Quân sự, Công an, Kiểm lâm huyện, Ủy ban nhân dân và công an các xã trên địa bàn, tổ chức lực lượng thường xuyên trực, tuần tra, kiểm tra rừng, truy quét, ngăn chặn, bắt giữ xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm pháp luật, bảo vệ rừng. Phối hợp, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

d) Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Bố trí nâng cấp, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới đặc biệt là trong công tác QLVR, PCCCR, theo dõi giám sát đa dạng sinh học,...

- Ứng dụng ảnh viễn thám - GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai. Lập ô định vị theo dõi thay đổi tổ thành loài, đa dạng sinh học, tăng trưởng rừng, tái sinh rừng.

- Chủ động hợp tác với các Viện nghiên cứu chuyên ngành, các trường Đại học và các tổ chức hợp tác quốc tế để xây dựng và thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học của Công ty.

đ) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư thực hiện phương án quản lý rừng bền vững bao gồm ngân sách nhà nước cấp, vốn sản xuất kinh doanh, vốn xã hội hóa, một phần vốn dịch vụ môi trường rừng và một phần là vốn hỗ trợ quốc tế. Huy động vốn từ nguồn vốn xã hội hóa, vốn hỗ trợ quốc tế để bảo vệ, phát triển rừng hiện có, bảo tồn đa dạng sinh học và nghiên cứu khoa học tại đơn vị và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Sau khi phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt, Công ty sẽ tích cực kêu gọi đầu tư theo hình thức liên kết, cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện dịch vụ môi trường rừng đối với dịch vụ Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh, Công ty sẽ xây dựng đề án và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để tái đầu tư vào công tác quản lý bảo vệ rừng.

e) Giải pháp về thị trường:

- Tìm hiểu về thị trường du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đang thu hút khách thăm quan và phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị để phát triển dịch vụ du lịch. Tăng cường sự hợp tác, nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho các trường Đại học đưa sinh viên đến thực tập, qua đó

b

quảng bá hình ảnh khu rừng với các loài động vật, thực vật đặc trưng; là một trung tâm phát triển du lịch sinh thái với các sản phẩm du lịch khám phá thiên nhiên, khám phá văn hóa, ẩm thực bản địa có đẳng cấp và trách nhiệm với môi trường, xã hội. Thường xuyên có những hoạt động thu hút khách tham quan khác nhau bằng cách: Có thể truyền tải những cảnh đẹp trên mạng xã hội, trên báo chí, truyền hình.

- Thiết kế, xây dựng website du lịch tích hợp với các tính năng thanh toán trực tuyến, tối ưu hóa các công cụ tìm kiếm và phải tương thích với các thiết bị di động để thu hút tối đa lượng khách hàng đến tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Hợp tác với các nhà máy chế biến gỗ để cung cấp nguồn nguyên liệu bền vững, qua đó nâng cao thu nhập cho chính cán bộ của công ty và người nhận khoán bảo vệ rừng.

g) Giải pháp về quản lý đất đai:

Lập phương án thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác (nếu có) theo kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và Phương án được phê duyệt của tỉnh để trình các cấp có thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt. Đồng thời triển khai các thủ tục quản lý đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Kết quả phê duyệt các nội dung của Phương án quản lý rừng bền vững tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn đến năm 2030.

Giao Giám đốc các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn và Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn tổ chức thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; trong đó tập trung triển khai thực hiện các vấn đề trọng tâm sau:

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này đảm bảo hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng và hướng dẫn, tham mưu việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn triển khai thực hiện các nội dung

của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định; đồng thời tham mưu lồng ghép việc thực hiện các nội dung của Phương án với các chương trình, dự án khác có liên quan trên địa bàn tỉnh và cập nhật nội dung của Phương án vào trong Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, thu hút đầu tư; trong đó ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư, triển khai hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ tình hình ngân sách, hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn sự nghiệp để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn triển khai thực hiện các nội dung của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý về đất đai, môi trường,... và đa dạng sinh học tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn; giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng và hướng dẫn, tham mưu việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn, thẩm định nội dung cập nhật kế hoạch sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

6. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực xây dựng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, định hướng phát triển sản phẩm du lịch; phát triển thị trường khách du lịch; hỗ trợ, hướng dẫn chủ rừng, các nhà đầu tư về hoạt động du lịch; hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo giai đoạn và hàng năm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn nói riêng và nhu cầu toàn tỉnh nói chung.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; mở các chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng đưa tin về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; đăng tin, bài biểu dương người tốt, việc tốt trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đất đai. Đồng thời tăng cường công tác truyền thông, quảng bá tiềm

b

năng, lợi thế về du lịch tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn nói riêng và tỉnh Ninh Thuận nói chung để thu hút các nhà đầu tư và truyền tải thông tin đến khách du lịch.

9. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và các quy định khác có liên quan để người dân hiểu và chấp hành; tổ chức cập nhật nội dung sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; đồng thời huy động lực lượng, chỉ đạo các phòng chuyên môn và cơ quan, đơn vị có liên quan (*công an, quân đội, kiểm lâm...*) trên địa bàn để phối hợp, hỗ trợ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Nội vụ, Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- Báo Ninh Thuận;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- VPUB: LĐ, khối NCTH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền